

LÝ LỊCH KHOA HỌC

-----//-----

- 1. Họ và tên:** Trần Tiến Khai
- 2. Ngày sinh:** ngày 03 tháng 10 năm 1965
- 3. Quốc tịch:** Việt Nam
- 4. Thường trú:** 402 Chung cư Tân Sơn Nhì 1, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- 5. Tình trạng gia đình:** đã lập gia đình, có hai con
- 6. Liên lạc:**
mobile: 0988 649 679
nhà: 08 812 11 35
email: khaitt@ueh.edu.vn

7. Học hàm học vị, công tác, nơi làm việc hiện nay (từ tháng 2/2008):

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp, Khoa Kinh tế, Đại Học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ: Phó Trưởng ban thường trực, Ban Đảm bảo chất lượng và Kiểm soát nội bộ

Kinh nghiệm giảng dạy: giảng dạy tại Khoa Kinh tế Phát triển, Chương trình cao học Chính sách công Fulbright và Chương trình cao học Việt Nam – Hà Lan (Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh), Chương trình cao học Việt - Bỉ (Đại học Nông nghiệp Hà Nội), Khoa Quản lý Nhà nước.

Các môn giảng chính: Phát triển nông thôn; Phân tích Chuỗi giá trị nông sản; Kinh tế nông nghiệp; Phương pháp nghiên cứu Kinh tế; Quy hoạch sử dụng đất; Phát triển vùng và địa phương

8. Quá trình công tác:

	Chức vụ công tác	Lĩnh vực chuyên môn (làm gì)	Nơi công tác
Từ 7/1987 đến 3/1991	Phó Trưởng trại - Trại Thực nghiệm và sản xuất giống cây trồng vùng 1 Tổ trưởng - Tổ Thí nghiệm giống cây trồng Tổ trưởng - Tổ sản xuất giống cây trồng	Tuyển chọn giống và sản xuất giống lúa cho tỉnh Minh Hải (cũ)	Trung tâm Khuyến Nông tỉnh Minh Hải (cũ)
Từ 3/1991 đến 1995	Nghiên cứu viên - Bộ môn nghiên cứu Cây lương thực	Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa trung mùa, chịu phèn, mặn và nước trời cho Đồng Bằng Sông Cửu Long	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam
Từ 1995 đến 2001	Nghiên cứu viên - Phụ trách thực hiện dự án	Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ dự	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông

	Chức vụ công tác	Lĩnh vực chuyên môn (làm gì)	Nơi công tác
	<p> nghiên cứu “Tính cạnh tranh của chuỗi ngành hàng lúa gạo ĐBSCL” hợp tác giữa Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam và Unité d’Economie et Développement rural, Faculté universitaire des Sciences agronomiques de Gembloux, Belgique (Fusagx)</p>	<p>án như lập kế hoạch, tổ chức nghiên cứu, xử lý dữ liệu, viết báo cáo</p>	<p>ng nghiệp miền Nam</p>
<p>Từ 10/2001 đến 10/2004</p>	<p>Phó trưởng phòng Khoa Học và Hợp Tác Quốc Tế</p> <p>Nghiên cứu viên - Phụ trách thực hiện dự án “Tính cạnh tranh của chuỗi ngành hàng lúa gạo ĐBSCL”</p>	<p>Chịu trách nhiệm về các hoạt động quản lý nghiên cứu như lập kế hoạch, tuyển chọn đề tài, dự án, theo dõi, đánh giá và tổ chức nghiệm thu, đánh giá trong phạm vi Viện</p> <p>Chịu trách nhiệm về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo</p> <p>Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ dự án như lập kế hoạch, tổ chức nghiên cứu, xử lý dữ liệu, viết báo cáo</p>	<p>Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam</p>
<p>Từ 10/2004 đến 09/2006</p>	<p>Trưởng phòng Khoa Học và Hợp Tác Quốc tế</p> <p>Nghiên cứu viên chính - Phụ trách thực hiện dự án “Cải thiện chất lượng tôm xuất khẩu đến Châu Âu thông qua nâng cao năng lực cho người nuôi tôm, giới tư nhân và chính quyền địa phương ở tỉnh Bạc Liêu” do Phái đoàn Cộng đồng châu Âu tại Việt Nam tài trợ. Thời gian thực hiện 5/2005-4/2006.</p>	<p>Chịu trách nhiệm về các hoạt động quản lý nghiên cứu như lập kế hoạch, tuyển chọn đề tài, dự án, theo dõi, đánh giá và tổ chức nghiệm thu, đánh giá trong phạm vi Viện</p> <p>Chịu trách nhiệm về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo</p> <p>Chịu trách nhiệm chung về các hoạt động thư viện, thông tin, kế hoạch trang thiết bị khoa học công nghệ, đào tạo sau đại học tại cơ sở Viện.</p> <p>Chịu trách nhiệm lập đề cương, quản lý, tổ chức, thực hiện nghiên</p>	<p>Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam</p>

	Chức vụ công tác	Lĩnh vực chuyên môn (làm gì)	Nơi công tác
	Phụ trách thực hiện dự án “Tính cạnh tranh của chuỗi ngành hàng lúa gạo ĐBSCL”. Dự án kết thúc tháng 5/2005.	cứu, xử lý dữ liệu, viết báo cáo Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức, thực hiện nhiệm vụ dự án như lập kế hoạch, tổ chức nghiên cứu, xử lý dữ liệu, viết báo cáo	
Từ 10/2006 đến 1/2008	Giám đốc Cơ sở phía Nam, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn Giám đốc Dự án Thông tin Thị trường nông sản Việt Nam (VAMIP) do tổ chức CIDA tài trợ	Chịu trách nhiệm quản lý chung các hoạt động của Cơ sở phía Nam Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động quản lý của dự án.	Cơ sở phía Nam, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn
Từ 2/2008 đến 8/2016	Trưởng Bộ môn Kinh Tế Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của Bộ Môn Giảng dạy cho sinh viên bậc cử nhân kinh tế, cao học kinh tế và hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ chuyên ngành kinh tế phát triển	Khoa Kinh Tế Phát Triển Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
Từ 8/2016 đến 4/2018	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học – Hợp tác quốc tế	Phụ trách quản lý Khoa học	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
Từ 4/2018	Phó Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng – Phát triển chương trình		Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
Từ 1/2020	Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng – Phát triển chương trình		Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
Từ 3/2025	Phó Trưởng ban thường trực, Ban Đảm bảo chất lượng và Kiểm soát nội bộ		Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh

9. Quá trình đào tạo (kể cả các khóa đào tạo ngắn hạn):

	Ngành nghề đào tạo (Đại học và sau đại học)	Nơi đào tạo (Tên trường, nước)
Đào tạo dài hạn		
Từ 1982 đến 1987	Kỹ sư Trồng trọt	Khoa Trồng trọt, Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Việt

		Nam
Từ 1996 đến 1997	Bồ túc Đại học, chuyên ngành Kinh tế và Phát triển nông thôn (Diplôme d'Etudes complémentaires en Sciences agronomiques et Ingénierie biologique), hạng Giỏi (Grande distinction)	Unité d'Economie et Développement rural, Faculté universitaire des Sciences agronomiques de Gembloux, Belgique
Từ 1998 đến 1999	Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp và Công nghệ sinh học, Chuyên ngành Kinh tế và Phát triển Nông thôn (Diplôme d'Etudes approfondies en Sciences agronomiques et Ingénierie biologique); hạng Khá (Distinction)	Unité d'Economie et Développement rural, Faculté universitaire des Sciences agronomiques de Gembloux, Belgique
Từ 1999 đến 2003	Tiến sĩ Khoa học Nông nghiệp và Công nghệ sinh học, chuyên ngành Kinh tế và Phát triển Nông thôn (Diplôme de Docteur en Sciences agronomiques et Ingénierie biologique); hạng Xuất sắc (La plus grande distinction)	Unité d'Economie et Développement rural, Faculté universitaire des Sciences agronomiques de Gembloux, Belgique
Đào tạo ngắn hạn		
Từ 23/10 đến 18/11/1995	Ecofarming – Ecologically and Socially Sustainable Land Management	tại Thái Lan, do Food and Agriculture Development Centre (ZEL) và German Foundation for International Development (DSE) của Cộng Hòa Liên Bang Đức tổ chức
Tháng 11/2001	Computer-based Analysis of Agricultural Policies	tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, do Institute of Social Studies, the Hague, the Netherlands (ISS) và Khoa Kinh tế Phát triển, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức

10. Trình độ ngoại ngữ:

Ngoại ngữ	Trình độ			
	Đọc	Viết	Nói	Nghe
Tiếng Anh	tốt	tốt	tốt	tốt
Tiếng Pháp	Trung bình	Trung bình	Trung bình	tốt

11. Kinh nghiệm tư vấn và tập huấn

Có nhiều kinh nghiệm trong việc soạn thảo tài liệu tập huấn, bài giảng, giáo trình. Có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và tập huấn cho nhiều đối tượng khác nhau như sinh viên cử nhân, sinh viên cao học, cán bộ địa phương, nông dân.

2011 Tư vấn cho Dự án “Phát triển Kinh doanh với người nghèo tỉnh Bến Tre” do Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) tài trợ. Tháng 5-12/2011

- Soạn thảo tài liệu tập huấn và tập huấn cho 2 đợt cán bộ địa phương và nhân viên dự án cho khoảng tổng cộng 50 người tham dự. Nội dung tập huấn: chuỗi giá trị và hạch toán sản xuất ở nông hộ;
- Thực hiện nghiên cứu Chuỗi giá trị dừa tỉnh Bến Tre;
- Xây dựng Chiến lược và kế hoạch nâng cấp chuỗi giá trị dừa Bến Tre;
- Thực hiện nghiên cứu và tư vấn cho một số chuỗi giá trị ngắn ở Bến Tre;

2010 Tư vấn cho nhiệm vụ xây dựng dự án “Hỗ trợ tam nông Ninh Thuận” do Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) tài trợ. Tháng 1/2010

- Tư vấn về chọn lựa và phân tích chuỗi giá trị;
- Tập huấn cho cán bộ tỉnh và huyện về chọn lựa và phân tích chuỗi giá trị;
- Soạn thảo các Văn kiện dự án: Phân tích lợi thế cạnh tranh và lợi thế so sánh (CCAA) và Khu vực tư nhân; Nông nghiệp và chuỗi giá trị.

2006 Tư vấn cho dự án “Cải thiện chất lượng tôm xuất khẩu đến Châu Âu thông qua nâng cao năng lực cho người nuôi tôm, giới tư nhân và chính quyền địa phương ở tỉnh Bạc Liêu”, do Phái đoàn Cộng đồng châu Âu tại Việt Nam tài trợ. Thời gian thực hiện 5/2005-4/2006.

- Nghiên cứu và tư vấn phân tích chuỗi giá trị tôm;
- Soạn thảo tài liệu tập huấn và tập huấn cho nông dân nuôi tôm, đại lý buôn bán vật tư thủy sản và thương lái thu mua tôm về thị trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

12. Tài liệu công bố

Tiếng Việt

39.	Trần Tiến Khai, Lương Vinh Quốc Duy, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Văn Viên, Lê Văn Gia Nhỏ, Trương Thanh Vũ. (2023). Xây dựng chuỗi liên kết Sản xuất – Tiêu thụ nông sản thực phẩm theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. <i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á</i> . Năm thứ 34, Số 7 (2023), 101–117
38.	Trần Tiến Khai, Phạm Thị Phương Dung. (2020). Các yếu tố tác động đến chấp nhận công nghệ nông nghiệp: trường hợp ngành trồng hoa ở tỉnh Lâm Đồng và TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> . Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 1/2020. Trang 13-23. ISSN 1859-

	4581.
37.	Lê Thanh Sơn, Trần Tiến Khai. (2017). Đánh giá tác động của thu hồi đất đến chi tiêu của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam: Trường hợp tại Thành phố Cần Thơ. <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> . Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 324(2017). Trang 14-21. ISSN 1859-4581.
36.	Lê Thanh Sơn, Trần Tiến Khai. (2016). Thu hồi đất và thay đổi cơ cấu thu nhập của hộ gia đình nông thôn tại Thành phố Cần Thơ. <i>Tạp chí Phát triển kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</i> . Số 27(8). Trang 98-116
35.	Lê Thanh Sơn, Trần Tiến Khai. (2016). Tác động của việc thu hồi đất vùng nông thôn đến thu nhập người dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ: trường hợp dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ. <i>Tạp chí Khoa học – Đại học Cần Thơ</i> . Số 42(2016). Trang 66-77
34.	Trần Tiến Khai. (2015). Xây dựng ngành nông nghiệp năng động và mạnh mẽ như là động lực phát triển nông thôn ở Việt Nam. <i>Đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới</i> . Kỷ yếu hội thảo Khoa học. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương, Tạp chí Cộng sản. Hà Nội. Ngày 20/8/2015. Trang 267-276.
33.	Trần Tiến Khai. (2015). <i>Phát triển nông thôn bền vững cho Việt Nam: nhìn từ lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế</i> . Nhà Xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 233 trang. ISBN 978-604-922-161-3.
32.	Trần Tiến Khai. (2015). Tổng quan cơ sở khoa học cho phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam. <i>Tạp chí Khoa học</i> . Số 3(42) – 2015. Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh. Trang 42-50.
31.	Trần Tiến Khai. (2015). Tái cơ cấu ngành nông nghiệp: một cách nhìn từ thị trường. <i>Tái cơ cấu nông nghiệp Việt nam: từ chính sách đến thực tiễn</i> . Kỷ yếu hội thảo Khoa học. Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hà Nội. Ngày 17/01/2015. Trang 127-136.
30.	Trần Tiến Khai, Nguyễn Ngọc Danh. (2014). Xác định các chỉ báo đo lường nghèo đa chiều cho hộ gia đình nông thôn Việt Nam. <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i> , số Đặc san tháng 6/2014, trang 118-136.
29.	Trần Tiến Khai, Nguyễn Ngọc Danh. (2014). Những yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập và ảnh hưởng đối với thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt nam. <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i> , số 284, trang 22-43.
28.	Trần Tiến Khai. (2014). Hiện trạng chính sách nông nghiệp – sản xuất và tiêu thụ nông sản. Nguyễn Đông Phong (chủ biên), <i>Triển vọng kinh tế Việt Nam 2014 – Thể chế và Minh bạch</i> . Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh. Nhà Xuất Bản Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh. ISBN 987-604-922-069-2.
27.	Trần Tiến Khai, Nguyễn Ngọc Danh. (2012). Quan hệ giữa sinh kế và tình trạng nghèo ở nông thôn Việt Nam. Báo cáo khoa học. Đề tài cấp cơ sở. Mã số CS-2012-02. Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh.
27.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt, Lê Văn Gia Nhỏ, Nguyễn Văn An, Hoàng Văn Việt và Nguyễn Văn Niêm. (2012). Ước lượng lợi ích tài chính của chuỗi giá trị dừa Bến Tre. <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i> , số 265, trang 46-53.

26.	Trần Tiến Khai, Lê Văn Gia Nhỏ và Nguyễn Văn An. (2012). Đánh giá hiệu quả sản xuất dừa ở nông hộ tỉnh Bến Tre. <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i> , số 262, trang 29-36.
25.	Trần Tiến Khai. (2012). Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản. Giáo trình. Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh. Nhà Xuất bản Lao động Xã hội.
24.	Trần Tiến Khai. (2011). Nguyên lý Bất động sản. Giáo trình. Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh. Nhà Xuất bản Lao động Xã hội.
23.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt, Lê Văn Gia Nhỏ, Nguyễn Văn An, Hoàng Văn Việt, Nguyễn Văn Niệm. (2011). Phân tích chuỗi giá trị dừa Bến Tre. Báo cáo nghiên cứu. Dự án Phát triển kinh doanh với người nghèo Bến Tre. (DBRP Bến Tre). Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD).
22.	Trần Tiến Khai. (2010). Chính sách xuất khẩu lúa gạo Việt Nam và những vấn đề cần điều chỉnh. Kỷ yếu Hội thảo Khoa Học Xã Hội và Phát Triển Bền Vững Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Cần Thơ, ngày 28/10/2010. UBND TP. Cần Thơ, Ban Chỉ Đạo Tây Nam Bộ, Viện Phát triển Bền Vững Vùng Nam Bộ.
21.	Trần Tiến Khai. (2008). Sản xuất và kinh doanh lúa gạo thế giới - Các vấn đề chính sách lúa gạo cho tương lai. <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i> . Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Số 209. Tháng 3/2008. trang 23-25.
20.	Viện Nghiên cứu Kinh tế phát triển (2007). Dự án xây dựng chất lượng và thương hiệu gạo An Giang. 10/2007.
19.	Trần Tiến Khai (2007). Một số suy nghĩ về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO. Báo cáo tham luận. Hội nghị tỉnh Tiền Giang. Tháng 10/2007.
18.	Trần Tiến Khai (2007). Cải thiện đời sống nông dân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế. Báo cáo tổng quan. Hội nghị Khoa học thường niên, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam. Ngày 26-28/8/2007.
17.	Trần Tiến Khai (2007). Các hạn chế đối với ngành nuôi tôm ở ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long. Nhìn từ kinh nghiệm tỉnh Bạc Liêu. <i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i> . Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Tháng 5/2007. trang 11-15.
16.	Trần Tiến Khai (2007). Một số suy nghĩ về tăng cường sản xuất nông nghiệp bền vững khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Báo cáo tham luận. Hội thảo Khoa học. trang 40-45. Kỷ yếu Diễn đàn Khuyến nông @ Công nghệ, lần thứ 4-2007. Chuyên đề Phát triển nông nghiệp bền vững trong hội nhập WTO. Vĩnh Long ngày 29/04/2007.
15.	Trần Tiến Khai (2007). Các hạn chế đối với mục tiêu phát triển bền vững của ngành tôm ở vùng ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long – nhìn từ kinh nghiệm tỉnh Bạc Liêu. Báo cáo tham luận. Trang 213-219. Kinh tế Việt Nam Hội nhập và phát triển bền vững. Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển. Nhà xuất bản

	Thông tấn. 2007.
14.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt, Hồ Thị Minh Hợp (5/2006). <i>Báo cáo tổng kết. Dự án VN/SPF/06 (101040). Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Delegation of the European Commission to Vietnam.</i>
13.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt, Hồ Thị Minh Hợp (9/2005). <i>Đánh giá năng lực sản xuất của hộ nuôi tôm ở xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, niên vụ 2004-2005. Dự án VN/SPF/06 (101040). Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Delegation of the European Commission to Vietnam.</i>
12.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt, Hồ Thị Minh Hợp (7/2005). <i>Phân tích hiệu quả sản xuất tôm của một số hộ chuyển đổi từ canh tác lúa ở xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, niên vụ 2004-2005. Dự án VN/SPF/06 (101040). Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Delegation of the European Commission to Vietnam.</i>
11	Hồ Cao Việt, Trần Tiến Khai (2/2004). <i>Hợp đồng sản xuất tiêu thụ nông sản hàng hóa trong bối cảnh nền kinh tế thị trường. Chuyên đề khoa học. Đề tài Luận cứ khoa học cho giải pháp tổng thể phát triển nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long trong điều kiện chung sống với lũ (KC.08.16.NN). Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 22 trang.</i>
10.	Trần Tiến Khai (2/2004). <i>Luận cứ khoa học cho giải pháp tổng thể phát triển lúa gạo vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long trong điều kiện chung sống với lũ. Chuyên đề khoa học. Đề tài Luận cứ khoa học cho giải pháp tổng thể phát triển nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long trong điều kiện chung sống với lũ (KC.08.16.NN). Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 66 trang.</i>
9.	Trần Tiến Khai (8/2003). <i>Diễn biến của chi phí sản xuất lúa gạo ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long trong thập niên 90 của thế kỷ trước. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 8/2003. pp 994-996.</i>
8.	Trần Tiến Khai (7/2003). <i>Lợi thế cạnh tranh của Đồng Bằng Sông Cửu Long trong sản xuất lúa gạo. Chuyên đề khoa học. Đề tài Luận cứ khoa học cho giải pháp tổng thể phát triển nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long trong điều kiện chung sống với lũ (KC.08.16.NN). Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 20 trang.</i>
7.	Trần Tiến Khai (11/2002). <i>Ảnh hưởng của quy mô nông trại đến hiệu quả kinh tế sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Chuyên đề khoa học. Khoa Kinh tế Phát triển. Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 17 trang.</i>
6.	Trần Tiến Khai (2002). <i>Sản xuất và cung ứng lúa gạo ở mức nông hộ tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, Việt Nam, giai đoạn 1995-1998. Báo cáo khoa học. Hội nghị Khoa học Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tiểu ban Kinh tế và Chính sách. Hà Nội, 11/2002. 14 trang.</i>

5.	Trần Tiến Khai (2001). Sản xuất và cung ứng lúa gạo ở mức nông hộ: một nghiên cứu trường hợp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, Việt Nam. <i>Kỷ yếu Khoa Học Nông Nghiệp</i> . Số 2, 2/2001. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam. Trang 53-60.
4.	Trần Võ Hùng Sơn, Nguyễn Tấn Khuyên, Trần Tiến Khai (4/2000). <i>Hiện trạng và giải pháp cho những vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường vùng ngập lũ Đồng Bằng Sông Cửu Long</i> . Cơ cấu kinh tế vùng ngập lũ Đồng Bằng Sông Cửu Long. Khoa Kinh tế Phát triển, Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh.
3.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt (2000). Tính cạnh tranh của hệ thống sản xuất thương mại lúa gạo ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. <i>Kỷ yếu Khoa học Nông Nghiệp</i> . Số 1, 10/2000. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam. Trang 21-24.
2.	Đỗ Khắc Thịnh, Trần Tiến Khai (1995). <i>Nghiên cứu chọn lọc phát triển giống lúa trung mùa IR 54054</i> . Bộ môn nghiên cứu Cây Lương thực, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam. Báo cáo khoa học. Báo cáo tại Hội nghị Khoa học Bộ Nông nghiệp & PTNT, 8/1995.
1.	Đỗ Khắc Thịnh, Trần Tiến Khai, Trương Thị Hoài Nam (1994). <i>Kết quả nghiên cứu về tính thơm của một số giống lúa</i> . Báo cáo. Bộ môn nghiên cứu Cây Lương thực, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Tiếng Anh	
16.	Tran Tien Khai and Vo Thi Anh Nguyet. (2024). Assessing the impact of shocks on household vulnerability: evidence from rural areas in Vietnam. <i>Environment, Development and Sustainability</i> . Springer. https://doi.org/10.1007/s10668-023-04429-w
15.	Thi Anh Nguyet Vo and Tien Khai Tran. (2022). <i>Climate change and rural vulnerability in Vietnam: An analysis of livelihood vulnerability index</i> . <i>Human And Ecological Risk Assessment: An International Journal</i> . 2022, VOL. 28, NO. 3-4, 326-353 https://doi.org/10.1080/10807039.2022.2052262
14.	Trần Tiến Khai, Phạm Thị Phương Dung. (2019). Determinants of Agricultural Technology Adoption: A Case Study in Floricultural sector of Lam Dong province and Ho Chi Minh City, Vietnam. <i>Journal of Asian Business and Economic Studies (JABES)</i> . Vol 26(S02). p-ISSN: 2615-9112
13.	Viet Van Hoang, Tien Khai Tran. (2019) <i>Comparative Advantages of Alternative Crops: A Comparison Study in Ben Tre, Mekong Delta, Vietnam</i> . <i>AGRIS on-line Papers in Economics and Informatics</i> , Vol. 11, No. 1, pp.. ISSN 1804-1930. DOI 10.7160/aol.2019.110104 .
12.	Viet Van Hoang, Tien Khai Tran, Van Binh Tu, Nguyen, V. N. and Nguyen, A. Q. (2017) "Agricultural Competitiveness of Vietnam by the RCA and the NRCA Indices, and Consistency of Competitiveness Indices", <i>AGRIS on-line Papers in</i>

	<i>Economics and Informatics</i> , Vol. 9, No. 4, pp. 53-67. ISSN 1804-1930. DOI 10.7160/aol.2017.090406 .
11.	Hoang, V. V., Tran, K. T. and Tu, B. V. (2017) "Assessing the Agricultural Competitive Advantage by the RTA index: A Case Study in Vietnam ", <i>AGRIS on-line Papers in Economics and Informatics</i> , Vol. 9, No. 3, pp. 15 - 26. ISSN 1804-1930. DOI 10.7160/aol.2017.090302 .
10.	Tran Tien Khai, Nguyen Ngoc Danh. (2014). Determinants of income diversification and its effects on household income in rural Vietnam. <i>Journal of Economic Development</i> , No. 221, p20-41.
9.	Trần Tiến Khai. (2013). Inter-relation between livelihood assets and poverty in rural Vietnam. <i>Journal of Economic Development</i> , No. 216, p108-130.
8.	Trần Tiến Khai, Hồ Cao Việt, Lê Văn Gia Nhỏ, Nguyễn Văn An, Hoàng Văn Việt và Nguyễn Văn Niệm. (2013). Estimate of financial benefits from value chain of Ben Tre coconut. <i>Journal of Economic Development</i> , No. 215, p147-160.
7.	Tran Tien Khai, Ho Cao Viet, Le Van Gia Nho, Nguyen Van An, Hoang Van Viet, Nguyen Van Niem. (2011). The coconut value chain of Ben Tre province. Study report. Developing Business with the Rural Poor project in Ben Tre Province (DBRP Ben Tre). The International Fund for Agricultural Development (IFAD).
6.	Tran Tien Khai, Hoang Xuan Truong and Le Thi Thu Huong. (2010). Value chains selection and analysis – Ninh Thuan province, Vietnam, 2010. Working paper. Sustainable Agriculture and New Rural Development of Ninh Thuan Province. The International Fund for Agricultural Development (IFAD).
5.	Nguyen Tri Khiem and Tran Tien Khai. (2008). Technology change in rice production and rice farmer income in Vietnam Mekong Delta lowland. Proceeding of The Forum on "Rice Policy Research: Key Issues from National Perspectives" Workshop. International Rice Research Institute. 18-19 Feb 2008. Los Banos, the Philippines.
4.	Tran Tien Khai, Ho Cao Viet, Ho Thi Minh Hop (5/2006). <i>Synthesized scientific report</i> . Improvement of shrimp products' quality exported to Europe through building up capacity of shrimp producers, private sector and local authority in Bac Lieu province. Project VN/SPF/06 (101040). Institute of Agricultural Science of South Vietnam, Delegation of the European Commission to Vietnam.
3.	Tran Tien Khai, Pham Van Bien and Philippe Lebailly (10/2004). Rice production in the Mekong River Delta: Differentiation of production efficiency among rice farms and causal factors. Abstracts. <i>Rice, The Environment, and Livelihoods For The Poor</i> . Mekong Rice Conference, Hochiminh City, Vietnam, 15-17 Oct 2004. For celebrating the International Year of Rice 2004.


	The Rockefeller Foundation, ADB, MARD, IRRI, MRC and FAO. p20.
2.	Tran Tien Khai (2003). <i>Methodology for analysis of rice production costs evolution: application to Mekong region, Vietnam</i> . Thesis of PhD. Unité d'Economie et Développement rural, Faculté universitaire des Sciences agronomiques de Gembloux, Belgique
1.	Tran Tien Khai (1999). <i>Economic efficiency of rice production in relation to land policy in the Mekong River Delta, Vietnam</i> . Thesis of Master degree. Unité d'Economie et Développement rural, Faculté universitaire des Sciences agronomiques de Gembloux, Belgique.

Tiếng Pháp	
1.	Philippe Lebailly, Thomas Dogot, Pham Van Bien, Tran Tien Khai (2000). <i>La filière rizicole au Sud Vietnam. Un modèle méthodologique</i> . Les presses agronomiques de Gembloux. 2000. 142p.

12. Phần cam đoan:

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01/01/2025



Trần Tiến Khai